

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2019/HS-ST

Ngày: 23-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 54/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HS ngày 09/8/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1971 (Tên gọi khác: Không). Nơi ĐKNKTT: Thôn K, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Hiện ở tại: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị B; Có vợ là Lưu Thị H và có 02 con (con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2001). Tiền án: Không.

- Có 01 tiền sự: Tại Quyết định số 5521/QĐ-XPVPHC ngày 17/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N xử phạt Nguyễn Hữu T 10.000.000 đồng về hành vi “Cho vay, có cầm cố tài sản vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay”, đến ngày 03/01/2019 Nguyễn Hữu T đã nộp phạt xong số tiền 10.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Hữu T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Bảo T1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

- Ông Trần Bảo T2, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Hữu T là người đang có 01 tiền sự về hành vi cho vay tiền có cầm cố tài sản, nhưng lãi suất vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay. Sáng ngày 18/3/2019, anh Trần Bảo T1, sinh năm 1995 ở thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình đã đến Cơ sở kinh doanh dịch vụ cho vay, cầm đồ “*Trọng Huyền*” ở thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình do Nguyễn Hữu T làm chủ để cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla, biển kiểm soát 29A-275.53 của mình. Nguyễn Hữu T nhất trí cho Trần Bảo T1 cầm cố chiếc xe ô tô trên để vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Mặc dù biết rõ các quy định của pháp luật về việc cầm cho vay lãi nặng nhưng T vẫn yêu cầu anh T1 phải trả lãi suất là 3.000đ/1 triệu/1 ngày đối với khoản tiền vay. Do cần tiền gấp để giải quyết công việc nên anh T1 buộc phải đồng ý với mức lãi suất trên, T đã viết giấy cầm cố tài sản và giao số tiền trên cho T1. Sau đó trong các ngày 19/3/2019 và 20/3/2019 anh Trần Bảo T1 tiếp tục đến gặp Nguyễn Hữu T để vay thêm 02 lần mỗi lần 10.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng, với mức lãi suất 3.000đồng/1triệu/1ngày, tương đương 109,5%/năm của khoản tiền vay đồng thời ngày 20/3/2019 anh T1 đã thanh toán số tiền lãi suất cho T đối với khoản tiền vay 03 lần, cụ thể như sau: Đối với khoản tiền vay 50.000.000đồng từ ngày 18/3/2019 đến ngày 20/3/2019 (03 ngày) đã thanh toán 450.000 đồng; Số tiền 10.000.000đồng từ ngày 19/3/2019 đến ngày 20/3/2019 (02 ngày) đã thanh toán 60.000 đồng; Số tiền 10.000.000 đồng vay trong ngày 20/3/2019 (01 ngày) đã thanh toán 30.000 đồng. Sau khi thanh toán số tiền lãi thì T và anh T1 hủy các hợp đồng cũ và viết lại hợp đồng mới với số tiền là 70.000.000 đồng tính từ ngày 21/3/2019. (Bút lục 65 – 68, 70, 111 – 115, 117, 118, 120, 122)

Đến ngày 24/3/2019 do không có tiền để lấy xe ô tô và trả lãi nên anh Trần Bảo T1 gọi điện cho Nguyễn Hữu T, nhờ tìm người mua chiếc xe ô tô mà anh T1 đang cầm cố thì T nhất trí đã liên lạc với anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 ở số 471, đường Lý Thường Kiệt, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam là người có nhu cầu mua xe. Trong cùng ngày anh L và anh T1 đã gặp nhau tại Cơ sở kinh doanh dịch vụ cho vay, cầm đồ của T. Tại đây anh T1 đã bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla, biển kiểm soát 29A-275.53 cho anh L với giá 130.000.000 đồng. Anh L đã đưa cho T số tiền 5.000.000 đồng là tiền công giới thiệu bán xe ô tô. Sau đó anh T1 đã trả cho T số tiền gốc đã vay của T1 là 70.000.000 đồng cùng lãi suất số tiền vay từ ngày 21/3/2019 đến ngày 24/3/2019 (4 ngày) là 840.000 đồng.

Sau khi về đến nhà anh Trần Bảo T1 đã kể lại toàn bộ sự việc trên cho ông Trần Bảo T2 (bố đẻ anh T1) thấy mức lãi suất T cho T1 vay vượt quá quy định của pháp luật và giá xe ô tô mà anh T1 bán cho anh L là quá rẻ so với thực tế nên vào ngày 28/3/2019 ông T2 đã cho anh T1 vay tiền và liên hệ đến nhà anh Nguyễn Văn L để chuộc lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla, biển kiểm soát 29A-275.53 với giá 140.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên; Kiểm sát viên, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKSNQ-HS ngày 12/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu T đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

***Về hình phạt:**

- **Hình phạt chính:** Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 7% thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung quỹ Nhà nước. Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Đ, huyện N trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- **Hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

***Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ **Truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước:** số tiền 70.000.000 đồng (Là phương tiện dùng vào việc phạm tội) + 252.000 đồng (Là tiền do bị cáo phạm tội mà có). Tổng là: 70.252.000 đồng của bị cáo Nguyễn Hữu T.

- Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự: Trả lại cho anh Trần Bảo T1 số tiền 1.128.000 đồng (Là tiền do bị cáo chiếm đoạt trái phép).

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố cụ thể như sau: Bị cáo có đăng ký kinh doanh cho vay, cầm đồ “*Trọng Huyện*” có cơ sở ở thôn N, xã Đ, huyện N và là người có 01 tiền sự về hành vi cho vay tiền có cầm cố tài sản, nhưng lãi suất vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cho vay. Từ ngày 18/3 đến ngày 20/3/2019 bị cáo đã cho anh Trần Bảo T1, sinh năm 1995 ở xã P, huyện N vay tổng số tiền là 70.000.000đồng lãi suất 3.000đồng/1 triệu/1 ngày. Để đảm bảo cho khoản vay trên anh T1 đã cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla, biển kiểm soát 29A-275.53. Do không có tiền để trả cho bị cáo nên ngày 24/3/2019 anh T1 đã bán xe ô tô biển kiểm soát 29A-275.53 cho anh L là người quen biết của bị cáo và anh T1 đã thanh toán toàn bộ nợ gốc cho bị cáo là 70.000.000 đồng, lãi suất 1.380.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có liên quan khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đã đủ cơ sở pháp lý khẳng định bị cáo là người có 01 tiền sự về hành vi cầm cố, cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhưng đã cho anh Trần Bảo T1 cầm cố chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Corolla, biển kiểm soát 29A-275.53 vay 03 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng, mức lãi suất 3.000đồng/1triệu/1ngày tương đương 109,5%/năm của khoản tiền vay đã vượt gấp 05 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự thì “*Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm*”. Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Viện kiểm sát nhân dân huyện N vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy:

Hành vi nêu trên của bị cáo là cố ý và gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ xâm phạm đến lợi ích của công dân. Xét bản thân bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều đó chứng tỏ bị cáo có ý thức coi thường pháp luật nên cần xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm khắc, áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên bị cáo phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Xét việc bị cáo không tiếp tục hành nghề kinh doanh dịch vụ cho vay, cầm đồ do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

[4]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Cần buộc bị cáo phải nộp số tiền 70.252.000 đồng trong đó có 70.000.000 đồng là phương tiện dùng vào việc phạm tội và 252.000 đồng là tiền lãi suất trong giới hạn quy định trong Bộ luật dân sự để nộp ngân sách nhà nước.

- Cần trả lại cho anh Trần Bảo T1 số tiền 1.128.000 đồng là tiền do bị cáo đã thu lãi suất của anh T1 vượt quá giới hạn quy định trong Bộ luật dân sự. Hiện số tiền này đang được gửi giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

[5]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án. Giao bị

cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Khấu trừ mỗi tháng 07% thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành án để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt bổ sung bị cáo 30.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp số tiền 70.252.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho anh Trần Bảo T1 số tiền 1.128.000 đồng. (Hiện đang gửi giữ trong tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- CA huyện N;
- Những người TGTT;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ